

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Tổng Giám đốc**
 Công ty TNHH Một thành viên Mai Động

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Mai Động (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25/11/2015, từ trang 04 đến trang 22, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Các vấn đề giới hạn phạm vi kiểm toán

Chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày 31/12/2014, do đó, chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm đầu năm và cuối năm. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về giá trị và số lượng tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2014 và 01/01/2014. Ngoài ra, một số vấn đề liên quan đến việc trích khấu hao tài sản cố định, hạch toán chi phí lãi vay, dự phòng hàng tồn kho, dự phòng nợ phải trả, dự phòng giảm giá khoản đầu tư... liên quan đến các Nhà máy Đức Mai Lâm, Nhà máy Cơ khí Giải Phóng là các đơn vị được sáp nhập vào Công ty từ năm 2002 và Nhà máy Đức Gang cầu do Công ty thành lập. Do thời gian bàn giao đã lâu, hồ sơ bị thiếu, thất lạc nên chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán làm cơ sở ước lượng ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh các năm trước và năm 2014 của Công ty TNHH Một thành viên Mai Động.

Ý kiến kiểm toán

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Các vấn đề giới hạn phạm vi kiểm toán", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Tại ngày 31/12/2014, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 123.244.616.261 VND (tại ngày 01/01/2014 là 147.446.127.823 VND) cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác theo Báo cáo kiểm toán số 1139/2014/BC.KTTC-AASC.KT2 ngày 15/05/2014 với ý kiến kiểm toán từ chối đưa ra kiểm do hạn chế phạm vi kiểm toán về việc trích khấu hao tài sản cố định và hạch toán chi phí lãi vay, ...

Báo cáo kiểm toán được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, Công ty TNHH Một thành viên Mai Động giữ 01 bản, Công ty TNHH Kiểm toán Đại Dương giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Vũ Kim Hùng
Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2336-2015-129-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI DƯƠNG

Đặng Thị Hương Lan

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2285-2013-129-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014 Trình bày lại
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		155.532.219.396	125.953.904.333
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	13.085.407.351	432.458.742
1. Tiền	111		13.085.407.351	432.458.742
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.262.238.000	11.262.238.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	11.262.238.000	11.262.238.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88.326.588.318	72.023.596.253
1. Phải thu khách hàng	131	7	19.490.091.773	19.910.395.726
2. Trả trước cho người bán	132		4.204.082.192	6.235.231.392
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	8	64.632.414.353	45.877.969.135
IV. Hàng tồn kho	140		33.799.420.914	37.100.736.437
1. Hàng tồn kho	141	9	33.799.420.914	37.100.736.437
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.058.564.813	5.134.874.901
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.000.000	115.113.342
2. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154	10	4.225.474.107	5.019.761.559
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	4.815.090.706	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)	200		216.098.756.910	241.689.367.752
I. Tài sản cố định	220		187.032.919.624	181.694.443.744
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	183.804.065.846	122.071.717.526
- Nguyên giá	222		231.670.589.536	167.562.569.007
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.866.523.690)	(45.490.851.481)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	11.540
- Nguyên giá	228		128.400.000	128.411.540
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(128.400.000)	(128.400.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	3.228.853.778	59.622.714.678
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	4.809.106.972	35.738.193.694
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.809.106.972	35.738.193.694
III. Tài sản dài hạn khác	260		24.256.730.314	24.256.730.314
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	24.256.730.314	24.256.730.314
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		371.630.976.306	367.643.272.085

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014 Trình bày lại
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		278.776.835.657	273.400.032.156
I. Nợ ngắn hạn	310		278.776.835.657	273.400.032.156
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	102.725.891.364	102.931.891.364
2. Phải trả người bán	312	17	21.394.111.871	27.437.135.815
3. Người mua trả tiền trước	313		1.652.926.580	5.230.538.441
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	1.015.848.123	2.578.126.149
5. Phải trả người lao động	315		335.000.181	1.424.843.656
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	151.819.409.827	133.797.496.731
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(166.352.289)	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		92.854.140.649	94.243.239.929
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	92.851.696.649	94.243.239.929
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		93.917.162.121	93.917.162.121
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		108.356.877	108.356.877
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		9.279.163.987	9.112.811.698
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(10.452.986.336)	(8.895.090.767)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.444.000	-
1. Nguồn kinh phí	432		2.444.000	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		371.630.976.306	367.643.272.085



Nguyễn Việt Hà
Chủ tịch - Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2015

Vũ Thị Ngọc Ánh
Phó phòng Kế toán

Vũ Thị Ngọc Ánh
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 02-ĐN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013 Trình bày lại
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	8.862.893.397	18.156.726.598
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.082.000	9.354.400
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		8.857.811.397	18.147.372.198
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	22	9.248.447.363	16.245.735.524
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(390.635.966)	1.901.636.674
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.240.639.206	2.147.919.071
7. Chi phí tài chính	22	24	5.901.090.901	12.093.198.371
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		5.690.305.746	13.506.039.099
8. Chi phí bán hàng	24		2.490.000	799.631.150
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.929.332.666	14.215.434.926
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(12.982.910.327)	(23.058.708.702)
11. Thu nhập khác	31	25	14.253.538.604	28.002.039.423
12. Chi phí khác	32		2.828.523.846	4.610.046.872
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		11.425.014.758	23.391.992.551
14. Lãi kế toán trước thuế	50		(1.557.895.569)	333.283.849
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	-
16. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế (60=50-51)	60		(1.557.895.569)	333.283.849



Nguyễn Việt Hà
Chủ tịch - Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2015

Vũ Thị Ngọc Ánh
Phó phòng Kế toán

Vũ Thị Ngọc Ánh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	4.820.233.352	26.407.485.954
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(13.328.037.698)	(8.129.146.400)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(2.545.748.565)	(2.830.346.908)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-	(4.915.143.214)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	2.975.987.009	4.163.818.016
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(6.149.293.941)	(2.495.368.454)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(14.226.859.843)	12.201.298.994
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.310.007.114)	(32.576.417)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	126.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(9.200.000.000)	(614.460.501)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	32.119.190.632	8.813.466.002
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.476.624.934	293.959.893
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	27.085.808.452	8.586.388.977
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	250.000.000	376.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(456.000.000)	(21.651.780.782)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(206.000.000)	(21.275.780.782)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	12.652.948.609	(488.092.811)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	432.458.742	920.551.553
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	13.085.407.351	432.458.742



Nguyễn Việt Hà
Chủ tịch - Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2015

Vũ Thị Ngọc Ánh
Phó phòng Kế toán

Vũ Thị Ngọc Ánh
Người lập biểu

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Mai Động được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ theo Quyết định số 175/QĐ-UB, ngày 17/12/2003 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty TNHH Nhà nước một thành viên.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 310 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 93.917.162.121 VND.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy đúc Công nghệ cao	Sản xuất đúc kim loại
Nhà máy sản xuất Ống gang cầu	Sản xuất Ống gang cầu
Nhà máy Cơ khí Giải phóng	Gia công cơ khí
Nhà máy Đúc Mai Lâm	Sản xuất đúc kim loại

Thông tin về các Công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 14.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, chế tạo máy công cụ, gia công rèn, dập, ép và các máy công cụ cắt gọt kim loại cho ngành kinh tế quốc dân;
- Sản xuất kinh doanh các loại ống nước, phụ kiện đường ống, các loại bơm nước;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, ống, phụ kiện đường ống nước và các sản phẩm khác của Công ty;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, các công trình cấp thoát nước và xây dựng các cơ sở hạ tầng;
- Chuyển giao công nghệ thiết bị sản xuất ống nước, công nghệ, chế tạo máy móc thiết bị cho các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước;
- Kinh doanh bất động sản và phát triển nhà;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật cơ khí;
- Liên doanh, liên kết với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước về sản xuất kinh doanh các sản phẩm ngành cơ khí, đúc luyện kim;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu than các loại.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2014, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 123.244.616.261 VND (tại ngày 01/01/2014 là 147.446.127.823 VND) cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tổng Giám đốc của Công ty đã nhận biết được vấn đề này và sẽ tiếp tục trao đổi với chủ nợ để gia hạn các khoản vay và nợ đến hạn trả trong năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty cũng đã dự báo đủ dòng tiền chi tiêu cho năm tài chính tiếp theo. Do đó, vấn đề mất cân đối khả năng thanh toán tại ngày 31/12/2014 (nếu có) sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong năm tài chính tiếp theo.

3. ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05-50
Máy móc thiết bị	06-10
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị văn phòng	03-10

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính với thời gian phân bổ từ 03 đến 05 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản lãi vay ngân hàng được tính cho Nhà máy Đức Mai Lâm và chi phí đề tài chớp sủ, Công ty chưa hạch toán hai khoản này vào chi phí.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa nhà xưởng trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nguồn vốn

Vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận trên cơ sở thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận trên cơ sở số lợi nhuận trong năm và các khoản giảm trừ (nếu có).

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Riêng đối với chi phí lãi vay từ khoản vay Ngân hàng để đầu tư xây dựng công nghệ đúc gang cầu tại Nhà máy Đúc gang cầu, Công ty chưa hạch toán chi phí lãi vay vào kết quả hoạt động kinh doanh mà hạch toán trên tài khoản 1388 - Phải thu khác với số tiền tại ngày 31/12/2014 là 34.447.292.091 VND, tại ngày 01/01/2014 là 28.105.632.611 VND. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thỏa thuận với Ngân hàng và tin tưởng rằng sẽ được miễn khoản lãi vay nói trên nếu thanh toán nợ đúng hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt	243.787.779	362.989.607
Tiền gửi ngân hàng	12.841.619.572	69.469.135
	13.085.407.351	432.458.742

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Cho Công ty CP Nhựa Cốt sợi Thủy tinh Mai Động vay (i)	11.262.238.000	11.262.238.000
	11.262.238.000	11.262.238.000

- (i) Khoản cho Công ty CP Nhựa Cốt sợi Thủy tinh Mai Động vay từ năm 2011, lãi suất tính theo lãi suất thả nổi và được xây dựng trên cơ sở lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Số tiền lãi lũy kế tính đến thời điểm 31/12/2014 là 8.136.914.850 VND, Công ty chưa thu được khoản lãi này và đang theo dõi trên Tài khoản 138 – Phải thu khác.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MAI ĐỘNG

Số 310 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty CP Nhựa Cốt sợi thủy tinh Đà Nẵng	2.534.764.097	2.534.764.097
Công ty Cổ phần DTO	1.671.454.414	985.494.414
Công ty CP XD thủy lợi thủy điện Điện Biên	1.247.961.594	-
Công ty CP Đầu tư XD dân dụng Hà Nội	614.108.830	614.108.830
XN xây lắp mộc nội thất - Công ty số 1	479.273.695	479.273.695
Công ty CP Cơ khí xây lắp công nghiệp Cao Bằng	423.544.028	423.544.028
Công ty TNHH XD và cấp nước Lai Châu	-	1.460.561.594
Đối tượng khác	12.518.985.115	13.412.649.068
	19.490.091.773	19.910.395.726

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền lãi vay chưa phân bổ xuống các nhà máy	34.447.292.091	28.105.632.611
Tiền thuê đất tại Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	15.206.374.452	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	8.136.914.850	6.075.925.296
Tiền thuê đất tại Đông Anh	2.877.294.700	1.991.472.700
Hỗ trợ tiền đi dôi cho các hộ thuê xưởng	455.000.000	455.000.000
Thuế TNDN và phạt chậm nộp thuế do sáp nhập	339.405.114	339.405.114
Khoản phải thu khác	3.170.133.146	8.910.533.414
	64.632.414.353	45.877.969.135

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.733.825.932	2.689.458.287
Công cụ, dụng cụ	3.994.654.151	3.993.659.266
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.885.040.156	11.521.346.520
Thành phẩm	14.092.368.872	12.764.121.797
Hàng hoá	6.093.531.803	6.132.150.567
	33.799.420.914	37.100.736.437
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	33.799.420.914	37.100.736.437

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.225.474.107	5.011.296.107
Các loại thuế khác	-	8.465.452
	4.225.474.107	5.019.761.559

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản tạm ứng	4.815.090.706	-
	4.815.090.706	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
Đơn vị: VND					
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	37.676.403.701	120.293.859.803	8.980.278.650	612.026.853	167.562.569.007
Mua trong năm	-	1.310.007.114	-	-	1.310.007.114
Xây dựng cơ bản hoàn thành	13.214.910.374	53.940.124.403	-	-	67.155.034.777
Thanh lý, nhượng bán	(3.781.371.568)	(389.279.498)	-	-	(4.170.651.066)
Giảm khác	-	(186.370.296)	-	-	(186.370.296)
Tại ngày 31/12/2014	47.109.942.507	174.968.341.526	8.980.278.650	612.026.853	231.670.589.536
GIÁ TRỊ HAO MÓN LUY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	8.653.248.861	33.594.510.297	2.982.985.755	260.106.568	45.490.851.481
Khấu hao trong năm	2.019.626.081	2.459.683.808	201.632.628	91.311.144	4.772.253.661
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(2.140.762.982)	(179.579.834)	-	-	(2.320.342.816)
Giảm khác	-	(76.238.636)	-	-	(76.238.636)
Tại ngày 31/12/2014	8.532.111.960	35.798.375.635	3.184.618.383	351.417.712	47.866.523.690
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	29.023.154.840	86.699.349.506	5.997.292.895	351.920.285	122.071.717.526
Tại ngày 31/12/2014	38.577.830.547	139.169.965.891	5.795.660.267	260.609.141	183.804.065.846

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MAI ĐỘNG

Số 310 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI ĐANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Dự án Xây dựng khu văn phòng tại 310 Minh Khai	-	136.873.631
Dự án Di chuyển NM Cơ khí số 1, NM CSTT	886.404.718	876.706.718
Dự án Xây dựng trường học và Xưởng thực hành	1.472.117.914	1.472.117.914
Chi phí nghiên cứu DA thuộc NM Cơ khí Giải Phóng	-	381.529.850
Dự án khuôn xếp	-	54.230.924.278
Công trình khác	870.331.146	2.524.562.287
	3.228.853.778	59.622.714.678

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	4.559.106.972	35.488.193.694
Công ty CP Nhựa Cốt sợi Thủy tinh Mai Động	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty CP Đức Mai Lâm	600.000.000	600.000.000
Công ty CP Cơ khí Giải Phóng	480.000.000	480.000.000
Công ty CP Mai Động số 1	-	300.000.000
Công ty Liên doanh Havico	1.079.106.972	1.079.106.972
Công ty Liên doanh Hadao	-	30.629.086.722
Đầu tư vào Công ty liên doanh	250.000.000	250.000.000
Góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Quốc tế Thăng Long	250.000.000	250.000.000
	4.809.106.972	35.738.193.694

Đầu tư và Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2014 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Nhựa Cốt sợi Thủy tinh Mai Động	Hà Nội	30%	30%	Sản xuất
Công ty CP Đức Mai Lâm	Hà Nội	30%	30%	Sản xuất và kinh doanh thương mại, đúc và gia công các sản phẩm gang thép, ...
Công ty CP Cơ khí Giải Phóng	Hà Nội	30%	30%	Sản xuất và kinh doanh thương mại, chế tạo máy và gia công cơ khí, ...

Đầu tư và Công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các Công ty liên doanh của Công ty tại ngày 31/12/2014 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Liên doanh Havico	Lào	55%	55%	Sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị ngành nước

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Lãi vay Nhà máy Đức Mai Lâm	24.138.900.314	24.138.900.314
Chi phí để tài Chóp sứ	117.830.000	117.830.000
	24.256.730.314	24.256.730.314

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MAI ĐỘNG

Số 310 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đông Hà Nội (i)	35.459.702.931	35.459.702.931
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Đông Hà Nội (VND) (ii)	38.348.282.834	38.348.282.834
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Đông Hà Nội (USD) (ii)	8.443.097.599	8.443.097.599
Vay của Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	10.767.771.000	10.767.771.000
Vay của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dân dụng Hà Nội	4.000.000.000	4.000.000.000
Vay cán bộ công nhân viên (iii)	5.707.037.000	5.913.037.000
	102.725.891.364	102.931.891.364

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(i) Hợp đồng số 1752/2006/HĐTD, hạn mức vay của Hợp đồng là 46.626.727.403 VND, số dư nợ tại ngày 31/12/2014 là 35.459.702.931 VND, lãi suất 0,9%/tháng. Khoản vay này hiện đã quá hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

(ii) Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số 10.153864.01.012 ngày 14/06/2010. Hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VND, số dư nợ hiện tại đến ngày 31/12/2014 là 409.533 USD (Giá trị quy đổi là 8.443.097.599 VND) và 38.348.282.834 VND, lãi suất cho vay theo từng thời điểm giải ngân, việc áp dụng lãi suất cho vay theo nguyên tắc thả nổi 03 tháng/lần và được xây dựng trên cơ sở lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được công bố và quy định của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

(iii) Vay cán bộ công nhân viên là các khoản vay ngắn hạn của cán bộ công nhân viên Công ty TNHH Một thành viên Mai Động.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty CP Xây dựng số 3 - Vinaconex 3	11.350.901.050	11.350.901.050
Công ty thiết bị Công nghiệp Vạn thông Đại Liên	2.900.688.080	2.519.322.380
Công ty CP Công nghệ Hạ tầng và Thương mại Hà Nội	2.004.196.866	1.440.737.775
VP Tư vấn & Chuyển giao CN XD - Trường ĐHKT	309.983.167	309.983.167
Công ty TNHH Xây dựng Thành Đạt	209.408.000	209.408.000
Công ty CP Gia Hiền	-	2.210.539.317
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Kinh Bắc	-	2.115.561.433
Đối tượng khác	4.618.934.708	7.280.682.693
	21.394.111.871	27.437.135.815

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	652.729.613	932.126.383
Thuế thu nhập doanh nghiệp	270.897.946	270.897.946
Thuế thu nhập cá nhân	77.724.293	967.832.796
Các khoản phí và lệ phí	14.496.271	407.269.024
	1.015.848.123	2.578.126.149

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Kinh phí công đoàn	234.992.930	253.999.140
Bảo hiểm xã hội	190.392.293	946.330.019
Bảo hiểm y tế	3.838.470	29.908.158
Bảo hiểm thất nghiệp	1.279.490	37.467.293
Lãi vay ngân hàng	85.444.128.832	73.778.818.685
Lãi vay cá nhân	8.074.028.254	8.546.849.633
Tiền góp vốn của đối tác	5.406.000.000	5.406.000.000
Góp vốn liên doanh Công ty CP Xây dựng số 3	-	7.000.000.000
Công ty Xây dựng Dân dụng	-	417.995.000
Công ty CP Tập đoàn Thành Công	27.000.000.000	27.000.000.000
Công ty CP Vietland	5.000.000.000	5.000.000.000
Tiền thuê đất tại Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	15.206.374.452	-
Phải trả, phải nộp khác	5.258.375.106	5.380.128.803
	151.819.409.827	133.797.496.731

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	93.815.382.021	108.356.877	(11.267.035.389)	9.279.163.987	91.935.867.496
Lợi nhuận trong năm	-	-	2.371.944.622	-	2.371.944.622
Tăng/ (giảm) khác	101.780.100	-	(166.352.289)	-	(64.572.189)
Số dư tại ngày 01/01/2014	93.917.162.121	108.356.877	(9.061.443.056)	9.279.163.987	94.243.239.929
Lợi nhuận trong năm	-	-	(1.557.895.569)	-	(1.557.895.569)
Tăng/ (giảm) khác	-	-	166.352.289	-	166.352.289
Số dư tại ngày 31/12/2014	93.917.162.121	108.356.877	(10.452.986.336)	9.279.163.987	92.851.696.649

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán thành phẩm	5.742.893.397	5.732.851.497
Doanh thu bán hàng hóa	3.120.000.000	12.423.875.101
	8.862.893.397	18.156.726.598
Hàng bán bị trả lại	5.082.000	9.354.400
Doanh thu thuần bán hàng hóa	8.857.811.397	18.147.372.198

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	6.849.828.599	6.834.167.304
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.398.618.764	9.411.568.220
	9.248.447.363	16.245.735.524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	2.151.568.425	2.123.219.071
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	89.070.781	24.700.000
	2.240.639.206	2.147.919.071

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi vay	5.690.305.746	12.084.750.303
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	210.785.155	8.448.068
	5.901.090.901	12.093.198.371

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.850.800.000	114.545.455
Thu nhập từ cho thuê nhà xưởng	4.493.777.265	19.014.545.455
Chênh lệch tỷ giá từ chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Hadao	5.296.975.282	-
Thu nhập khác	2.611.986.057	8.872.948.513
	14.253.538.604	28.002.039.423

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	(1.557.895.569)	333.283.849
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Cộng: Thu nhập chưa thực hiện	-	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	-	-
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	-	-
Lãi chịu thuế	(1.557.895.569)	333.283.849
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	-	-

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Bản chất bên liên quan	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu			
Công ty Cổ phần Mai Động số 1	Công ty liên kết	1.010.252.392	2.341.499.015
Công ty Cổ phần Đức Mai Lâm	Công ty liên kết	1.877.721.043	769.979.474
Công ty Cổ phần Cơ khí Giải Phóng	Công ty liên kết	470.371.900	-
Mua hàng			
Công ty Cổ phần Mai Động số 1	Công ty liên kết	86.460.000	105.357.600
Công ty Cổ phần Đức Mai Lâm	Công ty liên kết	608.542.110	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Giải Phóng	Công ty liên kết	32.544.600	342.502.701

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với bên liên quan:

	<u>Bản chất bên liên quan</u>	<u>31/12/2014 VND</u>	<u>01/01/2014 VND</u>
Phải thu			
Công ty Cổ phần Mai Động số 1	Công ty liên kết	51.568.844	165.079.384
Công ty Cổ phần Đức Mai Lâm	Công ty liên kết	-	810.789.319
Công ty Cổ phần Cơ khí Giải Phóng	Công ty liên kết	266.799.224	8.971.924
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Quốc tế Thăng Long	Công ty liên kết	-	12.610.000
Phải trả			
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Quốc tế Thăng Long	Công ty liên kết	100.659.300	-

Thu nhập của Tổng Giám đốc:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	323.000.000	212.400.000

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn của các chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản vay	102.725.891.364	102.931.891.364
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	13.085.407.351	432.458.742
Nợ thuần	89.640.484.013	102.499.432.622
Vốn chủ sở hữu	92.851.696.649	94.243.239.929
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,97	1,09

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.085.407.351	432.458.742
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.122.506.126	65.788.364.861
Đầu tư ngắn hạn	11.262.238.000	11.262.238.000
Đầu tư dài hạn khác	4.809.106.972	35.738.193.694
Tổng cộng	113.279.258.449	113.221.255.297
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	102.725.891.364	102.931.891.364
Phải trả người bán và phải trả khác	173.213.521.698	161.234.632.546
Tổng cộng	275.939.413.062	264.166.523.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng khách hàng hoạt động uy tín trong ngành và có giao dịch thường xuyên.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MAI ĐỘNG

Số 310 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)**

Tại ngày 31/12/2014

	Giá trị ghi sổ		Tổng VND
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.085.407.351	-	13.085.407.351
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.122.506.126	-	84.122.506.126
Đầu tư ngắn hạn	11.262.238.000	-	11.262.238.000
Đầu tư dài hạn khác	-	4.809.106.972	
Tổng cộng	108.470.151.477	4.809.106.972	113.279.258.449
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	102.725.891.364	-	102.725.891.364
Phải trả người bán và phải trả khác	173.213.521.698	-	173.213.521.698
Tổng cộng	275.939.413.062	-	275.939.413.062
Chênh lệch thanh khoản thuần	(167.469.261.585)	4.809.106.972	(162.660.154.613)

Tại ngày 01/01/2014

	Giá trị ghi sổ		Tổng VND
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	432.458.742	-	432.458.742
Phải thu khách hàng và phải thu khác	65.788.364.861	-	65.788.364.861
Đầu tư ngắn hạn	11.262.238.000	-	11.262.238.000
Đầu tư dài hạn khác	30.929.086.722	4.809.106.972	
Tổng cộng	108.412.148.325	4.809.106.972	113.221.255.297
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	102.931.891.364	-	102.931.891.364
Phải trả người bán và phải trả khác	161.234.632.546	-	161.234.632.546
Chi phí phải trả	-	-	-
Tổng cộng	264.166.523.910	-	264.166.523.910
Chênh lệch thanh khoản thuần	(155.754.375.585)	4.809.106.972	(150.945.268.613)

Mặc dù có dấu hiệu mất cân đối về khả năng thanh toán trong hiện tại nhưng Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể xin gia hạn các khoản vay và phải trả đến hạn trong năm tới và tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi cần thiết.

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MAI ĐỘNG

Số 310 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính năm 2013 đã điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra của cơ quan thuế, tuy nhiên chưa được điều chỉnh theo Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán.



Nguyễn Việt Hà
Chủ tịch - Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2015

Vũ Thị Ngọc Ánh
Phó phòng Kế toán

Vũ Thị Ngọc Ánh
Người lập biểu

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MAI ĐỘNG
(Thành lập tại nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày tháng năm

T/L CHỦ TỊCH KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC
TP. TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH



Nguyễn Đình Lâm

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Mai Động (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Việt Hà

Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Nguyễn Việt Hà

Chủ tịch - Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2015